TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HS-ST.

Ngày: 23/3/2023.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông P. L. L.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà N. T. D.

Ông P. T. L.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà N. T. K. H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa***: Ông L. Đ. A – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2023/TLST-HS, ngày 10 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **T. T. M. T,** tên gọi khác: Không; sinh ngày: 13/8/1998, tại: A, B; nơi cư trú: thôn T, xã N, thị xã C, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: T. V. T - sinh năm 1958 và bà: P. T. T – sinh năm 1956; chồng: T. V. H – sinh năm 1994; con: 01 người – sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/11/2022 đến ngày 15/11/2022 thì được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/11/2022 cho đến nay, tại: N, C, B. (*Có mặt).*

2. **N. H. K,** tên gọi khác: Không; sinh ngày: 20/09/1999, tại: C, B; nơi cư trú: thôn T, xã N, thị xã C, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: N. N. D – Sinh năm 1972 và bà: P. T. P – Sinh năm 1972; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/11/2022 đến ngày 15/11/2022 thì được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/11/2022 cho đến nay, tại: N, C, B. (*Có mặt).*

3. **Đ. T. B,** tên gọi khác: Không; sinh ngày: 16/6/1968, tại: A, B; nơi cư trú: Thôn X, xã V, huyện A, tỉnh B; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đ. D (chết) và bà: L. T. T (chết); chồng: Đ. V. T – Sinh năm: 1965; con: 03 người, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/11/2022 đến ngày 15/11/2022 thì được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/11/2022 cho đến nay, tại: xã V, huyện A, tỉnh B. *(Có mặt).*

4. **N. T. N,** tên gọi khác: Không; sinh ngày: 01/01/1958, tại: A, B; nơi cư trú: Thôn X, xã V, huyện A, tỉnh B; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: N. V. S (chết) và bà: N. T. N (chết); chồng: Đ. L - Sinh năm: 1955; con: 05 người, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/11/2022 đến ngày 15/11/2022 thì được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/11/2022 cho đến nay, tại xã V, huyện A, tỉnh B. *(Có mặt).*

5. **N. V. T,** tên gọi khác: Z; sinh ngày: 01/02/1993, tại: A, B; nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện A, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: N. V. T – Sinh năm:1963 và bà: N. T. H – Sinh năm:1965; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 07/12/2022, bị TAND huyện A xử phạt 20.000.000 đồng, về tội: Đánh bạc; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/11/2022 đến ngày 15/11/2022 thì được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/11/2022 cho đến nay, tại: xã V, huyện A, tỉnh B. *(Có mặt).*

6. P. T. L, tên gọi khác: R; sinh ngày: 20/3/1982, tại: A, B; nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện A, tỉnh B; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: P. T. C - Sinh năm:1950 và bà: N. T. X – Sinh năm:1951; chồng: N. V. L – Sinh năm:1977; con: 03 người, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/11/2022 cho đến nay, tại: xã M, huyện A, tỉnh B. *(Có mặt).*

7. N. T. V, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 01/8/1969, tại: A, B; nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện A, tỉnh B; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 9/12;

dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: N. V. N – Sinh năm: 1932 và bà: N. T. N – Sinh năm: 1936; chồng: không có; con: 03 người, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/11/2022 đến ngày 15/11/2022 thì được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/11/2022 cho đến nay, tại: xã M, huyện A, tỉnh B.*(Có mặt).*

8. N. V. N, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 20/5/1980, tại: A, B; nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện A, tỉnh B; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: N. C – Sinh năm 1934 và bà: V. T. Đ (chết); vợ: N. T. H – Sinh năm 1989; con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/11/2022 đến ngày 15/11/2022 thì được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/11/2022 cho đến nay, tại: xã M, huyện A, tỉnh B.*(Có mặt).*

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:
- N. T. A. L, sinh năm: 2007.
Địa chỉ: Khu vực H, phường S, TX C, B. (*Có mặt*).
- L. H. T, sinh năm: 1991.
Địa chỉ: Thôn D, xã E, huyện Đ, tỉnh G. (*Vắng mặt*).
- P. Đ. V, sinh năm: 1992.
Địa chỉ: Thôn F, xã J, TX K, tỉnh G. (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10h30 ngày 06/11/2022, T. T. M. T, L. H. T, P. Đ. V, L. T. T. N và N. V. T, đến nhà Đ. T. B, ở X – V – A – B, thăm chơi và nấu ăn tại đây. Đến khoảng 14h cùng ngày thì có N. T. A. L, sinh ngày 14/12/2007, ở S – C , N. H. K, N. T. N, N. T. V, N. V. N và P. T. L cũng đến nhà bà B chơi. Tại đây, T, B, L, K, N, L, V, N, T rủ nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền, dưới hình thức đánh bài xì lát, do T trực tiếp cầm cái, thu, chung tiền thắng thua cho các con bạc tham gia đặt cược nên Đ. T. B, lấy 01 bộ bài tây 52 lá đưa cho T ngồi tại phòng giữa nhà bà B để cầm cái; B quy định thu tiền xâu mỗi người là 50.000 đồng khi bắt đầu tham gia đánh bạc và bài của ai được xì lát, xì bàng hoặc ngũ linh thì xâu cho B 50.000 đồng và đã thu được tiền xâu 300.000 đồng; T giới hạn tối đa chỉ được 7 tụ chơi và đặt cược không quá 300.000 đồng/tụ/lượt chơi. Do đó N. H. K và N. T. A. L góp tiền chơi 01 tụ; N. T. N và N. V. T chơi 01 tụ.

Trong quá trình đánh bạc, T. T. M. T dùng số tiền 5.000.000 đồng để cầm cái và thắng được số tiền 440.000 đồng; N. H. K và N. T. A. L, dùng số tiền 1.800.000 đồng để đánh bạc, thắng được 1.000.000 đồng, N. T. N và N. V. T, dùng số tiền 2.100.000 đồng (trong đó của N là 2.000.000 đồng; của T 100.000

đồng) để đánh bạc, thắng được 100.000 đồng; Đ. T. B, dùng số tiền 1.100.000 đồng (trong đó có 300.000 đồng tiền đã xâu được) để đánh bạc, thắng được 100.000 đồng; N. T. V, dùng số tiền 1.450.000 đồng để đánh bạc, thua 350.000 đồng; P. T. L, dùng số tiền 1.400.000 đồng để đánh bạc, thua 300.000 đồng; N. V. N, dùng số tiền 120.000 đồng để đánh bạc, không thắng không thua.

Chiếu bạc đánh đến 16 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện A bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc và trong người các con bạc số tiền dùng để đánh bạc và dụng cụ đánh bạc. Cụ thể:

- Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 13.960.000 đồng. Trong đó của: T. T. M. T, số tiền: 5.440.000 đồng; N. H. K và N. T. A. L: 2.800.000 đồng; N. T. N và N. V. T, 2.200.000 đồng, Đ. T. B: 1.200.000 đồng; N. T. V: 1.100.000 đồng; P. T. L: 1.100.000 đồng; N. V. N: 120.000 đồng.

- Dụng cụ dùng để đánh bạc, gồm: 01 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; 10 bộ bài tây loại 52 lá chưa sử dụng và 01 chiếc chiếu.

Tại bản cáo trạng số: 06/CT-VKSPC, ngày 08/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố các bị cáo: T. T. M. T, N. H. K, Đ. T. B, N. T. N, N. V. T, P. T. L, N. T. V và N. V. N về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo T. T. M. T, N. H. K, Đ. T. B, N. T. N, N. V. T, P. T. L, N. T. V và N. V. N về tội: " Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của BLHS năm 2015 và không có bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 58 BLHS để xử phạt các bị cáo:

+ T. T. M. T 22.000.000 đồng – 25.000.000 đồng.

+ Đ. T. B 22.000.000 đồng – 25.000.000 đồng.

+ N. H. K 20.000.000 đồng – 22.000.000 đồng.

+ N. T. N 20.000.000 đồng – 22.000.000 đồng.

+ P. T. L 20.000.000 đồng – 22.000.000 đồng.

+ N. T. V 20.000.000 đồng – 22.000.000 đồng.

+ N. V. N 20.000.000 đồng – 22.000.000 đồng.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm e khoản 2 Điều 32, Điều 36, Điều 58 BLHS để xử phạt bị cáo:

+ N. V. T 09 - 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Đề nghị không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao các bị cáo cho UBND xã V quản lý giáo dục trong thời hạn chấp hành án.

Xử phạt hình phạt bổ sung: 10.000.000 đồng.

- Đồng thời đề nghị HĐXX tuyên xử tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 13.960.000 đồng và tiêu hủy 01 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; 10 bộ bài tây 52 lá chưa qua sử dụng và 01 chiếc chiếu mà các bị cáo dùng để đánh bạc.

Trong phần tự bào chữa, các bị cáo T. T. M. T, N. H. K, Đ. T. B, N. T. N, N. V. T, P. T. L, N. T. V và N. V. N đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: Ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của các bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo trước tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ khác, các biên bản kiểm tra, thu giữ đồ vật có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Vì muốn thu lợi bất chính và tước đoạt tiền bạc của nhau nên T. T. M. T, N. H. K, Đ. T. B, N. T. N, N. V. T, P. T. L, N. T. V và N. V. N đã rủ cùng nhau tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền trái phép, dưới hình thức đánh xì lát do T trực tiếp cầm cái tại nhà của bị cáo Đ. T. B ở X, V, A, B với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 13.960.000 đồng, thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện A phát hiện, bắt quả tang vào lúc 16 giờ ngày 06.11.2022.

Trong vụ án có nhiều bị cáo tham gia nhưng chỉ mang tính đồng phạm giản đơn và không có tính chất chuyên nghiệp, vì hám lợi và ham vui nên các bị

cáo rủ nhau cùng tham gia đánh bạc. Các bị cáo là những công dân có đầy đủ nhận thức đánh bạc là một tệ nạn xã hội mà pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn tham gia đánh bạc nhằm sát phạt lẫn nhau. Trong vụ án, nổi lên vai trò của bị cáo T. T. M. T là người trực tiếp cầm cái, chung chi việc thắng thua và bị cáo Đ. T. B đã chứa chấp việc đánh bạc trái phép và cũng trực tiếp tham gia đánh bạc.

Hành vi của T. T. M. T cùng đồng phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn minh lành mạnh của cộng đồng dân cư và làm mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Do đó, cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự.

[3]. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của các bị cáo đã thực hiện, hậu quả thiệt hại đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố các bị cáo T. T. M. T, N. H. K, Đ. T. B, N. T. N, N. V. T, P. T. L, N. T. V và N. V. N về tội: "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Các bị cáo T. T. M. T, N. H. K, Đ. T. B, N. T. N, N. V. T, P. T. L, N. T. V và N. V. N phạm tội: "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó cần phải xét xử các bị cáo với mức án nghiêm minh nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng: Các bị cáo T. T. M. T, N. H. K, Đ. T. B, N. T. N, P. T. L, N. T. V và N. V. N phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đều thành khẩn khai báo tỏ ý ăn năn hối cải bước đầu, tất cả các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Do đó, cần xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt khi quyết định hình phạt.

Xét thấy các bị cáo T. T. M. T, N. H. K, Đ. T. B, N. T. N, P. T. L, N. T. V và N. V. N chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, số tiền các bị cáo đánh bạc không lớn nên HĐXX thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống bình thường của xã hội mà áp dụng Điều 35 BLHS để xử phạt các bị cáo nghĩ cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này nổi lên vai trò của bị cáo T. T. M. T là người trực tiếp cầm cái, thu, chung tiền thắng thua cho các con bạc tham gia đặt cược; Bị cáo N. T. B là người sử dụng nhà của mình để đánh bạc, thu tiền xâu của các con bạc và cũng là người trực tiếp tham gia đánh bạc nên mức hình phạt đối với hai bị cáo này sẽ cao hơn các bị cáo còn lại.

Riêng đối với bị cáo N. V. T đây là lần thứ hai bị cáo phạm tội đánh bạc. Nhân thân bị cáo vừa bị TAND huyện A xử phạt 20.000.000 đồng về tội này. Tuy nhiên, lần phạm tội này bị cáo bị bắt quả tang trước thời điểm TAND huyện A xét xử bị cáo ở bản án trước nên bị cáo được xác định là không tái phạm nên không tổng hợp bản án, bị cáo đã nộp tiền chấp hành xong hình phạt của bản án trước, nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS nên mức hình phạt đối với bị cáo N. V. T sẽ nghiêm khắc hơn so với các bị cáo còn lại. Xét bị cáo sử dụng số tiền nhỏ (chỉ 100.000 đồng) để tham gia đánh bạc. Do đó, HĐXX áp dụng Điều 36, điểm e khoản 2 Điều 32 BLHS để xét xử bị cáo là cũng phù hợp.

Bị cáo N. V. T là công nhân làm thuê, thu nhập không ổn định. Do đó, miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Trong vụ án còn có đối tượng N. T. A. L đã tham gia đánh bạc cùng với các bị cáo. Tuy nhiên, tại thời điểm phạm tội ngày 06.11.2022, L mới đủ 14 tuổi 09 tháng nên chưa đủ tuổi chịu TNHS. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện A xử lý hành chính đối với N. T. A. L là có căn cứ.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên nên được HĐXX chấp nhận.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

- Về trách nhiệm dân sự: Không.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 13.960.000 đồng *(Mười ba triệu chín trăm sáu chục nghìn đồng)* các đối tượng dùng để đánh bạc; Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; 10 bộ bài tây 52 lá chưa qua sử dụng và 01 chiếc chiếu mà các bị cáo dùng để đánh bạc, hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

[6].Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36, điểm e khoản 2 Điều 32 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo T. T. M. T, N. H. K, Đ. T. B, N. T. N, N. V. T, P. T. L, N. T. V và N. V. N phạm tội: "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo T. T. M. T 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

- Xử phạt bị cáo Đ. T. B 25.000.000 đồng đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

- Xử phạt bị cáo N. H. K 20.000.000 đồng đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

- Xử phạt bị cáo N. T. N 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

- Xử phạt bị cáo P. T. L 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

- Xử phạt bị cáo N. T. V 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

- Xử phạt bị cáo N. V. N 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Tổng số tiền bị xử phạt sung ngân sách nhà nước.

- Xử phạt bị cáo N. V. T 12 (*Mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ 09 ngày (từ ngày 06/11/2022 đến ngày 15/11/2022) quy đổi thành 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (*Mười một*) tháng 03 (*Ba*) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo N. V. T cho UBND xã V, huyện A, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Bị cáo là lao động phổ thông, thu nhập không ổn định. Do đó, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

* Hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo N. V. T 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Sung ngân sách nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên xử:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền: 13.960.000 *(Mười ba triệu chín trăm sáu chục nghìn đồng)* đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh B.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng, 10 bộ bài tây 52 lá chưa sử dụng và 01 chiếc chiếu mà các bị cáo dùng để đánh bạc, đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh B.

5. Về án phí: Các bị cáo T. T. M. T, N. H. K, Đ. T. B, N. T. N, N. V. T, P. T. L, N. T. V và N. V. N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí HSST sung vào ngân sách nhà nước.

6. Quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A (02b);
- CA huyện A;
- Phòng Hồ sơ NVCS CA H.A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các bị cáo;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

P. L. L